TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-11-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thuận

2. Ông Dương Công Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 418/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Bạch T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: C3/1 Tổ 3, Ấp 3, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà T, ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị Bạch T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T1 kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã L, huyện B, tỉnh Long An ngày 23/10/2015. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T1 ghen tuông vô cớ. Bà và ông T1 đã ly thân nhau từ tháng 7/2023 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 07/12/2017, hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu Đạt, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông T1 không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn. Theo ông, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng để dẫn đến việc ly hôn. Ông và bà T đã ly thân nhau từ tháng 7/2023 cho đến nay. Nay ông vẫn còn tình cảm với bà T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có một con chung như lời bà T trình bày, hiện cháu Đạt đang sống với bà T. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà T không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Mai Thị Bạch T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Nguyên đơn bà Mai Thị Bạch T và bị đơn ông Nguyễn Văn T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông T1.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng;

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Bách T và ông Nguyễn Văn T1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông T1. Trước yêu cầu ly hôn của bà T thì ông T1 không đồng ý. Xét thấy từ khi hai bên không còn chung sống với nhau (tháng 7/2023) đến nay, ông T1 không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 07/12/2017. Xét thấy, hiện cháu Đạt đang sống với bà T, cuộc sống đã ổn định. Hơn nữa, ông T1 cũng đồng ý giao cháu Đạt cho bà T nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà T.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Bà T và ông T1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Bà T và ông T1 thống nhất xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Mai Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Bạch T về việc *"Ly hôn"* với ông Nguyễn Văn T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Bạch T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Bà Mai Thị Bạch T và ông Nguyễn Văn T1 có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 07/12/2017. Sau khi ly hôn, bà T được nuôi cháu Đạt. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Bà Mai Thị Bạch T và ông Nguyễn Văn T1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Mai Thị Bạch T và ông Nguyễn Văn T1 thống nhất xác định không có nợ chung.

5. Về án phí: Bà Mai Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010286 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B.
- UBND xã L, huyện B.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thiên Trang